

Số: 4735/QĐ-CT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CÔNG VĂN ĐẾN

Số hiệu: 08

Ngày nhận: 07/8/2018

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Nghị định số 13/2009/NĐ-CP ngày 13/02/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2007/NĐ-CP ngày 07/06/2007 của Chính phủ, quy định về xử lý vi phạm pháp luật về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Thông tư số 166/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Căn cứ Quyết định số 108/QĐ-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Quyết định số 5064/QĐ-GQXP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Cục Trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ kiến nghị tại Biên bản kiểm tra số 233/BBKT-CT ký ngày 30 tháng 7 năm 2018 ký tại Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt của Đoàn kiểm tra Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 1684/QĐ-CT-KT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Cục Trưởng Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kiểm tra Thuế số 3,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính về thuế đối với:

Tổ chức: Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt.

Mã số thuế: 0309312029.

Địa chỉ: Lầu 2, Tòa Nhà Him Lam, 234 Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

Do Bà: Nguyễn Thị Bích Hồng

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT làm đại diện.

Lĩnh vực hoạt động: Môi giới chứng khoán;....

Giấy phép thành lập và hoạt động số 316/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20/04/2010.

Với hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả áp dụng như sau:

1. Hình thức xử phạt: Phạt tiền với mức phạt: 12.987.652 đồng.

(Bằng chữ: Mười hai triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng)

Trong đó:

a) Phạt tiền về hành vi vi phạm thủ tục về thuế với mức phạt: không.

b) Phạt tiền về hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp với mức phạt (tiểu mục - 4254): 12.987.652 đồng.

c) Phạt tiền về hành vi trốn thuế với mức phạt: không.

2. Biện pháp để khắc phục hậu quả:

a) Số tiền thuế giá trị gia tăng (tiểu mục - 1701): 64.938.262 đồng.

(Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu chín trăm ba mươi tám nghìn hai trăm sáu mươi hai đồng).

b) Yêu cầu người nộp thuế tự điều chỉnh:

- Giảm lỗ thuế TNDN năm 2013: 1.020.680.484 đồng.

- Giảm số lỗ thuế TNDN năm 2011 chuyển sang các năm sau: 5.548.086.123 đồng.

c) Số tiền chậm nộp tiền thuế Giá trị gia tăng (tiểu mục - 4931): 43.846.315 đồng.

(Bằng chữ: Bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm mười lăm đồng).

Tiền chậm nộp tính đến ngày 03/08/2018. Doanh nghiệp có trách nhiệm tự tính và nộp số tiền chậm nộp tiền thuế kể từ ngày 04/08/2018 đến ngày nộp đủ số tiền thuế chậm nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định.

Vì đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: khai không đúng, không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế GTGT, thuế TNDN; khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế Giá trị gia tăng phải nộp quy định tại Điều 8 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Cụ thể:

Kê khai thuế Giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ, kê khai thuế Giá trị gia tăng hàng hóa dịch vụ bán ra chưa đúng quy định đã vi phạm Điều 5 Điều 12 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013.

Xác định sai các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN dẫn đến tính thiếu số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đã vi phạm khoản 1 khoản 2 Điều 9 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội.

Áp dụng xử phạt theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2, khoản 2 khoản 3 khoản 4 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: không.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt phải nghiêm chỉnh chấp hành quyết định này và có trách nhiệm nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp và tiền phạt theo quy định tại Điều 1 như sau:

Số tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp và tiền phạt nộp vào tài khoản số: 7111.1056137 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh mở tại Kho bạc Nhà nước TP. Hồ Chí Minh.

Quá thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định này, mà Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế. Doanh nghiệp sẽ phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Trong thời hạn 2 ngày làm việc kể từ ngày ký, Quyết định này được:

1. Giao cho Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt để chấp hành Quyết định xử phạt.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước TP.HCM để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Phòng Kế khai Kế toán thuế, Phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế - Cục Thuế TP.Hồ Chí Minh để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, KT3, N.Thuận (07).

KT.CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Bích Hạnh

5/2



BIÊN BẢN KIỂM TRA
tại Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt

Căn cứ Quyết định số 1684/QĐ-CT-KT ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc kiểm tra thuế tại Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt, mã số thuế: 0309312029, địa chỉ: Lầu 2, Tòa Nhà Him Lam, 234 Ngô Tất Tố, phường 22, quận Bình Thạnh, Tp.HCM.

Đoàn kiểm tra đã tiến hành kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Thời kỳ kiểm tra: từ năm 2013 đến năm 2015.

Hôm nay, ngày 20 / 7 / 2018, tại Công ty cổ phần chứng khoán Liên Việt, chúng tôi gồm:

1. Đoàn kiểm tra:

- | | | |
|--------------------------|----------------------|----------------|
| - Ông: Lê Như Thuận | - Chức vụ: nhân viên | - Trưởng đoàn, |
| - Bà: Phan Thị Thu Nhung | - Chức vụ: nhân viên | - Thành viên, |
| - Bà: Nguyễn Thị Thy Hân | - Chức vụ: nhân viên | - Thành viên. |

2. Người nộp thuế:

- | | |
|----------------------------|---|
| - Bà: Nguyễn Thị Bích Hồng | - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, đại diện cho Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Liên Việt. |
| - Bà: Trần Lan Hương | - Chức vụ: Kế toán trưởng. |

Lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra như sau:

I/ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

- Giấy phép hoạt động số 316/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20/04/2010.
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: kinh doanh chứng khoán.
- Hình thức hạch toán kế toán: Nhật ký chung.
- Niên độ kế toán: từ 01/01 đến 31/12.
- Đăng ký kê khai nộp thuế tại: Cục Thuế TP.HCM.
- Hình thức kê khai nộp thuế Giá trị gia tăng: khấu trừ.
- Mục lục Ngân sách: Cấp 1 Chương 554 Loại 340 Khoản 342.
- Các đơn vị thành viên: 01 chi nhánh.

II. NỘI DUNG KIỂM TRA TẠI TRỤ SỞ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ:

2.1/ Thuế GTGT:

Năm 2013:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	66.353.543	66.353.543	0
2. HHDV mua vào trong kỳ	4.203.790.102	4.203.790.102	0
3. Thuế GTGT của HHDV mua vào	244.021.730	244.021.730	0
4. Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	76.666.644	11.728.382	(64.938.262)
5. HHDV bán ra trong kỳ	38.235.208.706	41.723.227.007	3.488.018.301
- HHDV bán ra không chịu thuế GTGT	36.229.871.053	39.717.889.354	3.488.018.301
- HHDV bán ra chịu thuế GTGT	2.005.337.653	2.005.337.653	0
+ Thuế suất 0%	0	0	0
+ Thuế suất 5%	0	0	0
+ Thuế suất 10%	2.005.337.653	2.005.337.653	0
6. Thuế GTGT bán ra	200.533.767	200.533.767	0
7. Thuế GTGT phải nộp	57.513.580	122.451.842	64.938.262
8. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0

Giải trình chênh lệch:

- Thuế GTGT được khấu trừ kỳ kê khai tháng 12/2013 giảm 64.938.262 đồng do phân bổ lại số thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu, được quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 06/2012/TT-BTC.
- HHDV bán ra không chịu thuế GTGT tăng 3.488.018.301 đồng do đơn vị khai thiếu thu nhập từ hoạt động môi giới chứng khoán, repo chứng khoán.
- Thuế GTGT phải nộp tăng 64.938.262 đồng vì lý do trên.

Năm 2014:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	0	0	0
2. HHDV mua vào trong kỳ	2.172.890.765	2.172.890.765	0
3. Thuế GTGT của HHDV mua vào	195.501.449	195.501.449	0
4. Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	0	0	0
5. HHDV bán ra trong kỳ	16.003.331.888	16.003.331.888	0
- HHDV bán ra không chịu thuế GTGT	11.932.422.795	11.932.422.795	0
- HHDV bán ra chịu thuế GTGT	4.070.909.093	4.070.909.093	0
+ Thuế suất 0%	0	0	0
+ Thuế suất 5%	0	0	0
+ Thuế suất 10%	4.070.909.093	4.070.909.093	0
6. Thuế GTGT bán ra	407.090.907	407.090.907	0
7. Thuế GTGT phải nộp năm TC	407.090.907	407.090.907	0
8. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0

Năm 2015:

Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang	0	0	0
2. HHDV mua vào trong kỳ	2.098.653.429	2.098.653.429	0
3. Thuế GTGT của HHDV mua vào	166.004.359	166.004.359	0
4. Thuế GTGT được khấu trừ kỳ này	29.435.941	29.435.941	0
5. HHDV bán ra trong kỳ	9.594.284.830	9.594.284.830	0
- HHDV bán ra không chịu thuế GTGT	1.022.284.930	1.022.284.930	0
- HHDV bán ra chịu thuế GTGT	8.571.999.900	8.571.999.900	0
+ Thuế suất 0%	0	0	0
+ Thuế suất 5%	0	0	0
+ Thuế suất 10%	8.571.999.900	8.571.999.900	0
6. Thuế GTGT bán ra	857.199.990	857.199.990	0
7. Thuế GTGT phải nộp năm TC	827.764.049	827.764.049	0
8. Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau	0	0	0

2.2/ Thuế TNDN:

Năm 2013:

Stt	Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	44.530.506.151	44.530.506.151	0
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh	40.506.688.558	36.625.563.695	(3.881.124.863)
3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	4.023.817.593	7.904.942.456	3.881.124.863
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	1.348.978.904	1.348.978.904	0
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	1.596.171.973	1.301.442.721	(294.729.252)
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	(247.193.069)	47.536.183	294.729.252
7	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	3.776.624.524	7.952.478.639	4.175.854.115
8	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	198.000.000	198.000.000	0
9	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	4.995.305.008	4.995.305.008	0
10	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	(1.020.680.484)	3.155.173.631	4.175.854.115
11	Lỗ từ các năm trước chuyển sang	0	3.155.173.631	3.155.173.631
12	Thu nhập tính thuế TNDN	0	0	0
13	Tổng số thuế TNDN phải nộp	0	0	0

R: 33 - 0
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG K
LIÊN V
THANH - T

K
P.H
2013

M

Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 4.995.305.008 đồng là khoản dự phòng đã trích lập trong năm 2012 vượt mức, do chưa đủ thời gian trích lập, đã bị loại trừ khi kiểm tra quyết toán thuế TNDN năm 2012, quyết toán thuế 2013 do đủ thời gian trích dự phòng theo quy định nên điều chỉnh trở lại vào chỉ tiêu: Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN.

Giải trình chênh lệch số liệu:

- Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh giảm 3.881.124.863 đồng do hạch toán lỗ khoản phải thu Hợp đồng Hợp tác kinh doanh với Công ty CP Xuất Nhập khẩu á Châu không đúng quy định với số tiền: 3.870.703.125 đồng, chi nghỉ mát,... (chi tiết trên bảng xác nhận số liệu kiểm tra).
- Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh 294.729.252 đồng do giảm các khoản chi không được trừ, không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh (phạt vi phạm hành chính, chi đối ngoại, khoản công nợ phải thu không thu hồi được,...) (chi tiết trên bảng xác nhận số liệu kiểm tra).
- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 4.175.854.115 đồng vì những lý do trên.
Theo đó:
+ Giảm lỗ thuế TNDN năm 2013: 1.020.680.484 đồng.
+ Tăng số lỗ từ năm 2011 chuyển sang: 3.155.173.631 đồng.

Năm 2014:

Stt	Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	18.188.050.887	18.188.050.887	0
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh	16.164.171.659	16.164.171.659	0
3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	2.023.879.228	2.023.879.228	0
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	0	0	0
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	0	0	0
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	0	0	0
7	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.023.879.228	2.023.879.228	0
8	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.943.727.273	2.943.727.273	0
9	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	0	0	0
10	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	4.967.606.501	4.967.606.501	0
11	Lỗ từ các năm trước chuyển sang	4.967.606.501	4.967.606.501	0
12	Thu nhập tính thuế TNDN	0	0	0
13	Tổng số thuế TNDN phải nộp	0	0	0

Năm 2015:

Stt	Chỉ tiêu	Số kê khai	Số kiểm tra	Chênh lệch
1	Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	12.124.271.843	12.124.271.843	0
2	Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh	9.843.262.489	7.450.349.997	(2.392.912.492)
3	Lãi (lỗ) từ hoạt động cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	2.281.009.354	4.673.921.846	2.392.912.492
4	Các khoản thu nhập khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	113.008.385	113.008.385	0
5	Chi phí khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	28.426.750	28.426.750	0
6	Lãi (lỗ) khác ngoài cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	84.581.635	84.581.635	0
7	Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.365.590.989	4.758.503.481	2.392.912.492
8	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	690.000.000	690.000.000	0
9	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	2.275.000.000	2.275.000.000	0
10	Tổng thu nhập chịu thuế TNDN	780.590.989	3.173.503.481	2.392.912.492
11	Lỗ từ các năm trước chuyển sang	780.590.989	3.173.503.481	2.392.912.492
12	Thu nhập tính thuế TNDN	0	0	0
13	Tổng số thuế TNDN phải nộp	0	0	0

Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN: 2.275.000.000 đồng là khoản dự phòng đã trích trong năm 2014 vượt mức, do chưa đủ thời gian trích lập, đã loại trừ khi tự quyết toán thuế TNDN năm 2014 (chỉ tiêu: Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế TNDN), quyết toán thuế 2015 do đủ thời gian trích dự phòng theo quy định nên điều chỉnh trở lại vào chỉ tiêu: Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế TNDN.

Giải trình chênh lệch số liệu:

- Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh giảm 2.392.912.492 đồng do:
 - + Giảm 1.623.001.213 đồng, là khoản hoàn nhập khoản phải thu HĐ hợp tác (TBX) nhưng công ty không ghi nhận giảm chi phí tương ứng.
 - + Giảm 633.182.279 đồng do trích lập dự phòng khó đòi không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính (không biên bản xác định công nợ) đối với các hợp đồng hợp tác với 02 cá nhân: Nguyễn Thúy Phương, Bùi Thị Thu Hương (TBX).
 - + Giảm 136.729.000 đồng do trích lập dự phòng khó đòi không theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài chính (không biên bản xác định công nợ) đối với khoản phải thu của Cty TNHH Khải Hưng.
- Tổng thu nhập chịu thuế TNDN tăng 2.392.912.492 đồng, tương ứng Lỗ từ các năm trước chuyển sang tăng 2.392.912.492 đồng vì những lý do trên.

T. C. G.
 Y
 AN
 HOAN
 IET
 P. H. S.

- Bảng theo dõi số lãi/lỗ lũy kế qua kiểm tra được chuyển đến niên độ năm 2015:

Năm	Số lãi/(lỗ) phát sinh qua kiểm tra	Số lãi/(lỗ) lũy kế được chuyển
Năm 2011	(15.023.225.124)	(15.023.225.124)
Năm 2012	(7.287.185.139)	(22.310.410.263)
Năm 2013	3.155.173.631	(19.155.236.632)
Năm 2014	4.967.606.501	(14.187.630.131)
Năm 2015	3.173.503.481	(11.014.126.650)

III/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC:

Số đầu kỳ năm trước chuyển sang được ghi nhận theo số liệu theo dõi hiện tại của cơ quan thuế và sẽ được điều chỉnh lại theo thực tế kê khai, đã nộp nếu có sai sót hoặc có điều chỉnh.

Loại thuế	Năm trước chuyển sang	Phải nộp theo kê khai	Số chênh lệch qua kiểm tra	Đã nộp	Số còn phải nộp cuối năm
Năm 2013					
1. Thuế GTGT	0	57.513.580	64.938.262	0	122.451.842
2. Thuế TNDN	0	0	0	0	0
Năm 2014					0
1. Thuế GTGT	122.451.842	407.090.907	0	230.727.272	298.815.477
2. Thuế TNDN	0	0	0	0	0
Năm 2015					0
1. Thuế GTGT	298.815.477	827.764.049	0	371.215.150	755.364.376
2. Thuế TNDN	0	0	0	0	0

(Bảng tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước trên chưa bao gồm số tiền tính chậm nộp. Số tiền này sẽ được ghi nhận khi cơ quan thuế tiến hành đối chiếu và xử lý nợ đọng).

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

- Về việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán và hoá đơn chứng từ: Đơn vị có ghi chép, hạch toán kế toán theo quy định.

- Về hóa đơn chứng từ: Đơn vị có xuất hóa đơn khi cung cấp hàng hóa dịch vụ cho khách hàng.

- Về việc kê khai thuế, nộp thuế: khai không đúng, không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế GTGT, thuế TNDN; khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp quy định tại Điều 8, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị định số 98/2007/NĐ-CP; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ. Cụ thể:

Kê khai thuế GTGT kê khai thuế GTGT HHDV bán ra chưa đúng quy định đã vi phạm Điều 7 Điều 12 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12; Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013.

Xác định sai các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN dẫn đến tính thiếu số tiền thuế TNDN phải nộp đã vi phạm khoản 1 khoản 2 Điều 9 Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008, khoản 5 Điều

1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội.

Các hành vi vi phạm nêu trên cũng đã vi phạm vào Điều 7, Điều 30, Điều 31 Luật Quản lý thuế, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13.

- Đoàn kiểm tra chỉ kiểm tra sổ sách, chứng từ do đơn vị xuất trình theo niên độ kiểm tra. Đơn vị hoàn toàn phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu đã cung cấp cho đoàn kiểm tra, trường hợp sau này phát hiện số liệu trên các hồ sơ do đơn vị xuất trình không đúng với thực tế hoặc đơn vị tự ý chỉnh sửa sai với hồ sơ khi xuất trình cho đoàn kiểm tra thì đơn vị phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các yêu cầu và kiến nghị:

- Đoàn kiểm tra sẽ kiến nghị lãnh đạo Cục Thuế TP.HCM ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm của người nộp thuế.

- Yêu cầu người nộp thuế nộp đầy đủ, kịp thời vào tài khoản tạm giữ của cơ quan thuế mở tại Kho bạc Nhà nước khi có quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế.

V. Ý KIẾN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

.....
.....

Biên bản được thông qua vào hồi 11 giờ cùng ngày.

Biên bản gồm có 07 trang, được lập thành 06 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN
NGƯỜI NỘP THUẾ**

**TRƯỞNG PHÒNG
KẾ TOÁN**

**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
TRƯỞNG ĐOÀN**



Nguyễn Thị Bích Hồng

Trần Lan Hương

Lê Như Thuận



